

KẾT QUẢ XÂY DỰNG MÔ HÌNH SẢN XUẤT LẠC GIỐNG NGUYÊN CHỦNG VỤ THU ĐÔNG 2018 TẠI NGHỆ AN

Phạm Văn Linh¹, Võ Văn Trung¹, Trần Thị Thanh Hoa¹,
Nguyễn Thị Thanh¹, Trần Thị Duyên¹, Trịnh Đức Toàn¹,
Lê Văn Vinh¹, Bùi Văn Hùng¹, Lê Ngọc Lan²

TÓM TẮT

Kết quả xây dựng mô hình sản xuất lạc giống Nguyên chủng vụ Thu Đông thuộc dự án “Phát triển nông thôn mới thông qua thiết lập hệ thống sản xuất và phân phối hạt giống cho cây lạc ở Việt Nam” triển khai tại Nghệ An năm 2018 cho thấy năng suất lạc vụ Thu Đông đều đạt từ 2,46 - 2,81 tấn/ha, cao hơn sản xuất các giống lạc khác từ 3,5 - 5,0 tạ/ha, hiệu quả kinh tế tăng từ 21,5 - 27,5 triệu đồng. Kết quả của nghiên cứu bước đầu giúp nâng cao khả năng tiếp cận của người nông dân đến sản xuất lạc giống, đẩy mạnh việc tự sản xuất giống ở cấp thôn, phát triển công nghệ sản xuất và tăng thu nhập cho nông dân.

Từ khóa: Cây lạc, mô hình, hạt giống nguyên chủng, vụ Thu Đông

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, tỉnh Nghệ An chiếm gần 1/4 diện tích trồng lạc của cả nước, với diện tích bình quân là 17.000 ha, năng suất đạt 24,5 tạ/ha, sản lượng đạt 41.650 tấn, đứng đầu về sản xuất lạc nhân. Diện tích lạc tập trung lớn nhất hiện nay là huyện Nghi Lộc (3.400 ha), tiếp đến là huyện Diễn Châu (3.200 ha), năng suất bình quân ở 2 huyện này đạt từ 25 - 30 tạ/ha. Sản xuất lạc tập trung chủ yếu vào vụ Xuân (vụ chính) với diện tích trên 20.000 ha, sản phẩm chủ yếu phục vụ cho nội tiêu và xuất khẩu. Vụ Hè Thu-Mùa khoảng trên 1.200 ha và Vụ Thu Đông trên 1.300 ha, sản phẩm chủ yếu dùng để cung cấp giống cho vụ lạc Xuân năm sau (Sở Nông nghiệp & PTNT Nghệ An, 2017). Tuy nhiên, do điều kiện về địa hình và thời tiết khí hậu vụ Thu Đông tại Bắc Trung Bộ khắc nghiệt (mưa, bão thất thường) nên việc sản xuất lạc giống gặp rất nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, chỉ có một số huyện thị tại Nghệ An sản xuất được lạc giống vụ Thu Đông với số lượng ít, nguồn giống để sản xuất lạc giống chủ yếu là bà con tự để giống từ năm trước, chất lượng giống kém, kỹ thuật sản xuất còn theo truyền thống cũ, trồng theo băng, không che phủ ni-lông nên không đảm bảo năng suất cũng như chất lượng giống nhất là khi gặp mưa bão.

Với mục tiêu góp phần đưa giống lạc mới, phổ biến quy trình kỹ thuật sản xuất lạc giống cấp Nguyên chủng trong vụ Thu Đông tại Nghệ An cho bà con sản xuất lạc, đồng thời khuyến cáo việc mở rộng sản xuất lạc giống đạt chất lượng cao, giải quyết việc thiếu hụt nguồn lạc giống nguyên chủng cho sản xuất lạc giống cấp xác nhận ở địa phương, được sự tài trợ của Trung tâm KOPIA Việt Nam, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung Bộ đã tiến

hành xây dựng các mô hình sản xuất lạc giống tại 3 xã của 3 huyện khác nhau thuộc tỉnh Nghệ An (xã Nghi Long - huyện Nghi Lộc, xã Nam Lộc - huyện Nam Đàn và xã Diễn Thịnh - huyện Diễn Châu).

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

Giống lạc: Sử dụng giống lạc L20 và TK10.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp triển khai mô hình

Giống lạc L20 và TK10 được Viện KHKT Nông nghiệp Bắc Trung Bộ sản xuất Siêu nguyên chủng. Các hạt giống sau khi thu hoạch sẽ được phân phối cho các hộ dân tham gia để triển khai sản xuất lạc giống nguyên chủng tại địa phương. Sản phẩm cuối cùng được Trung tâm Khảo kiểm nghiệm Giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia kiểm định chất lượng hạt giống, được đóng gói nhãn mác theo quy định và bao tiêu sản phẩm.

Trong quá trình triển khai, các cán bộ địa phương và hộ dân được tập huấn về cách tổ chức, quản lý và hoạt động theo mô hình làng Nông thôn mới của Hàn Quốc, được tập huấn về quy trình kỹ thuật sản xuất lạc giống Nguyên chủng.

2.2.2. Kỹ thuật áp dụng

Ứng dụng kết quả nghiên cứu kỹ thuật sản xuất lạc giống vụ Thu Đông trên đất gò đồi vùng Duyên hải Nam Trung Bộ (Hoàng Minh Tâm và *ctv.*, 2011), kết hợp với quy trình công nghệ sản xuất lạc đạt 5,0 tấn/ha của Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung Bộ (Phạm Văn Chương và *ctv.*, 2008).

¹ Viện khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung Bộ; ² Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam

2.2.3. Các chỉ tiêu theo dõi

Tất cả các chỉ tiêu, số liệu được thu thập theo Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 01-57:2011/ BNNPTNT về khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng giống lạc của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Kiểm tra tính đúng giống và chất lượng hạt giống lạc theo Quy chuẩn Quốc gia QCVN01-48:2011/ BNNPTNT về chất lượng hạt giống lạc do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

2.2.4. Phương pháp phân tích hiệu quả kinh tế của các mô hình

Dựa vào phương pháp hạch toán tài chính tổng quát để phân tích:

$$RAVC = GR - TVC$$

Trong đó: RAVC (Return Above Variable Cost) là lợi nhuận; GR (Gross Return) là Tổng thu nhập thuần = Năng suất x Giá bán trung bình. TVC (Total Variable Cost) là Tổng chi phí khả biến = Chi phí vật tư + Chi phí lao động + Chi phí năng lượng (Phạm Chí Thành, 1996).

2.3. Thời gian, địa điểm và quy mô thực hiện

Mô hình được thực hiện trong vụ Thu Đông 2018 tại 3 địa điểm: xã Nam Lộc - huyện Nam Đàn, xã Diễn Thịnh - huyện Diễn Châu và xã Nghi Long - huyện Nghi Lộc với diện tích 36 ha, số hộ dân tham gia mô hình là 273 hộ.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Đánh giá về các chỉ tiêu sinh trưởng, sâu bệnh hại chính và năng suất các giống lạc trong mô hình

Kết quả theo dõi đánh giá các mô hình cho thấy, các giống lạc ở các điểm sinh trưởng, phát triển tốt, ít bị nhiễm sâu bệnh hại chính, năng suất đạt từ 2,46 - 2,81 tấn/ha (Bảng 1, 2, 3).

Bảng 1. Thời gian sinh trưởng của các giống trong mô hình

Chi tiêu Giống	Ngày gieo	Từ gieo đến ... (ngày)			Tổng TGST (ngày)
		Mọc 50%	Ra hoa rộ	Thu hoạch	
TK10 (NĐ)	12/8	6	30	95	95
L20 (DC)	19/8	8	31	100	100
L20 (NL)	24/8	7	29	105	105

Ghi chú : NĐ: Nam Đàn, DC: Diễn Châu, NL: Nghi Lộc.

Bảng 2. Mức độ nhiễm mộ số sâu bệnh hại chính của các giống trong mô hình

Chi tiêu Giống	Bệnh héo xanh (điểm)	Bệnh đốm nâu (điểm)	Bệnh gỉ sắt (điểm)	Sâu khoang (con/m ²)	Sâu xanh (con/m ²)
TK10 (NĐ)	1	3	5	3	7
L20 (DC)	1	3	5	3	3
L20 (NL)	1	5	3	3,0	3,0

Bảng 3. Các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất của các giống trong mô hình

Địa điểm	Chi tiêu Giống	Tổng số quả/Cây	Tổng số quả chắc/Cây	P 100 quả (g)	NSLT (tấn/ha)	NSTT (tấn/ha)
Nam Đàn	TK10	18,35	14,66	150,15	4,46	2,81
	L14 (Đ/c)	17,12	12,36	147,28	3,69	2,31
Diễn Châu	L20	16,34	13,41	160,02	4,34	2,65
	Sen thất (Đ/c)	16,05	12,20	154,23	3,81	2,30
Nghi Lộc	L20	16,56	12,30	158,28	3,94	2,46
	L14 (Đ/c)	15,20	10,02	146,87	2,98	2,05

(Nguồn: Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung Bộ, 2018).

Kết quả đánh giá về năng suất các giống lạc cho thấy, các giống lạc trong mô hình đều là giống lạc mới, cấp Siêu nguyên chủng, được gieo trồng bằng áp dụng kỹ thuật canh tác mới nên các chỉ tiêu về cấu

thành năng suất và năng suất đều cao hơn so với các giống lạc đang trồng phổ biến, năng suất các giống lạc trong mô hình dao động từ 2,46 - 2,81 tấn/ha, cao hơn các giống lạc đối chứng từ 3,5 - 5,0 tạ/ha.

3.2. Kết quả phân tích chất lượng hạt giống lạc Nguyên chủng

Kết quả phân tích chất lượng hạt giống Nguyên

chủng tại các điểm ở bảng 4 cho thấy, các chỉ tiêu về độ sạch, nảy mầm, độ ẩm phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-48:2011/BNNPTNT.

Bảng 4. Kết quả phân tích chất lượng hạt giống lạc Nguyên chủng trong mô hình.

Giống	Độ sạch (% khối lượng)	Hạt cỏ dại (số hạt/kg)	Hạt khác giống có thể phân biệt được (% số hạt)	Nảy mầm					Độ ẩm (% khối lượng)
				Số ngày kiểm tra	(% số hạt)				
					Cây mầm bình thường	Cây mầm không bình thường	Hạt sống không nảy mầm	Hạt chết	
TK10 (Nan Đàn)	99,9	-	-	7	68	16	0	8	9,7
L20 (Nghị Long)	99,9	-	-	7	78	16	0	6	8,7
L20 (Diễn Châu)	99,9	-	-	7	96	4	0	0	7,6

(Nguồn: Trung tâm Khảo kiểm nghiệm Giống, sản phẩm cây trồng Quốc gia, 2018).

3.3. Đánh giá về hiệu quả kinh tế giữa mô hình sản xuất giống và mô hình sản xuất đại trà

Đánh giá về hiệu quả kinh tế giữa mô hình sản xuất giống và mô hình sản xuất đại trà cho thấy: Việc áp dụng đúng quy trình kỹ thuật sản xuất lạc giống Nguyên chủng, kỹ thuật thâm canh, nguồn

giống đầu vào có chất lượng tốt sẽ cho năng suất, chất lượng, giá bán và hiệu quả kinh tế cao hơn so với sản xuất đại trà. Năng suất thu được cao hơn so với sản xuất đại trà từ 3,5 - 5,0 tạ/ha, hiệu quả kinh tế tăng từ 21,50 - 27,55 triệu đồng/ha (Bảng 5, 6, 7).

Bảng 5. Hiệu quả kinh tế giữa mô hình sản xuất lạc giống và mô hình sản xuất đại trà tại Nam Lộc - Nam Đàn (tính cho 1 ha)

TT	Hạng mục	ĐVT	Lạc TK10 trong mô hình			Lạc L14 ngoài mô hình		
			Số lượng (kg)	Đơn giá (1.000 đồng)	Thành tiền (1.000 đồng)	Số lượng (kg)	Đơn giá (1.000 đồng)	Thành tiền (1.000 đồng)
I	Phần chi				65.900			61.900
1	Chi phí vật tư				29.900			25.900
	Phân chuồng	Kg	15000	0,5	7.500	15000	0,5	7.500
	Giống	kg	200	50	10.000	200	30	6.000
	NPK 3 : 9 : 6	kg	1.000	5,4	5.400	1000	5,4	5.400
	Ni-lông	kg	100	45	4.500	100	45	4.500
	Vôi	kg	500	3,0	1.500	500	3,0	1.500
	Thuốc BVTV	kg	1	1.000	1.000	1	1.000	1.000
2	Chi phí lao động				36.000			36.000
	Lao động phổ thông	công	200	180	36.000	200	180	36.000
Năng suất thu được (tấn/ha)			2,81			2,31		
II	Phần thu	Tấn	2,81	40.000	112.400	2,31	35.000	80.850
III	Lợi nhuận (II - I)				46.500			18.950
Lãi thuần trong mô hình so với ngoài mô hình			27.550					

(Nguồn: Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung Bộ, 2018).

Kết quả số liệu bảng 4 cho thấy: Tại Nam Đàn, giống lạc TK10 sinh trưởng, phát triển tốt, mặc dù chịu ảnh hưởng của mưa lớn kéo dài trong nhiều đợt (đợt 1 từ 17-19/8, đợt 2 từ 26 - 28/8 và đợt 3 từ 9 - 11/9), nhưng do bố trí mô hình ở khu vực đất cao, dốc nên khả năng thoát nước tốt, ảnh hưởng không đáng kể đến sinh trưởng, phát triển và năng suất.

Đất để sản xuất giống là đất cát pha nên khả năng thấm và thoát nước tốt nên ít bị ảnh hưởng do mưa bão. Năng suất lạc đạt 2,81 tấn/ha, lợi nhuận thu được 46,5 triệu đồng/ha. So với mô hình sản xuất đại trà thì lãi thuần thu được trong mô hình sản xuất lạc giống TK10 đạt trên 27,55 triệu đồng/ha.

Bảng 6. Hiệu quả kinh tế giữa mô hình sản xuất giống và mô hình sản xuất đại trà tại Diễn Thịnh - Diễn Châu (tính cho 1 ha)

TT	Hạng mục	ĐVT	Lạc L20 trong mô hình			Lạc Sen thất ngoài mô hình		
			Số lượng (kg)	Đơn giá (1.000 đồng)	Thành tiền (1.000 đồng)	Số lượng (kg)	Đơn giá (1.000 đồng)	Thành tiền (1.000 đồng)
I	Phần chi				65.900			61.900
1	Chi phí vật tư				29.900			25.900
	Phân chuồng	kg	15000	0,5	7.500	15000	0,5	7.500
	Giống	kg	200	50	10.000	200	30	6.000
	NPK 3 :9:6	kg	1.000	5,4	5.400	1000	5,4	5.400
	Ni-lông	kg	100	45	4.500	100	45	4.500
	Vôi	kg	500	3,0	1.500	500	3,0	1.500
	Thuốc BVTV	kg	1	1.000	1.000	1	1.000	1.000
2	Chi phí lao động				36.000			36.000
	Lao động phổ thông	công	200	180	36.000	200	180	36.000
Năng suất thu được (tấn/ha)			2,65					2,30
II	Phần thu	Tấn	2,65	40.000	106.00	2,30	35.000	80.500
III	Lợi nhuận (II - I)				40.100			18.600
Lãi thuần trong mô hình so với ngoài mô hình			21.500					

(Nguồn: Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung Bộ, 2018).

Kết quả bảng 6 cho thấy: Tại xã Diễn Thịnh - huyện Diễn Châu, mặc dù chịu ảnh hưởng của thời tiết bất thường, mưa lớn kéo dài trong nhiều ngày trong suốt thời gian sinh trưởng, phát triển của cây lạc, nhưng do mô hình lạc bố trí nơi cao ráo, thoát nước tốt nên ít bị ảnh hưởng đến năng suất; năng suất lạc đạt 2,65 tấn/ha. Hiệu quả kinh tế: lãi thuần thu được lại tăng so với mô hình sản xuất đại trà 21,5 triệu đồng/ha.

Kết quả bảng 7 cho thấy: Tại xã Nghi Long - huyện Nghi Lộc, do ảnh hưởng của thời tiết nắng nóng kéo dài giai đoạn mọc mầm làm giảm tỷ lệ mọc, phải giảm lại, cây lạc thời gian đầu sinh trưởng phát triển chậm, nhưng đến giai đoạn ra hoa, đâm tia gặp thời tiết thuận lợi nên năng suất lạc đạt 2,46 tấn/ha. Hiệu quả: lãi thuần so với ngoài mô hình đạt 22,65 triệu đồng/ha.

Bảng 7. Hiệu quả kinh tế giữa mô hình sản xuất giống và mô hình sản xuất đại trà tại Nghi Long - Nghi Lộc (tính cho 1 ha)

TT	Hạng mục	ĐVT	Lạc L20 trong mô hình			Lạc L14 ngoài mô hình		
			Số lượng (kg)	Đơn giá (1.000 đồng)	Thành tiền (1.000 đồng)	Số lượng (kg)	Đơn giá (1.000 đồng)	Thành tiền (1.000 đồng)
I	Phần chi				65.900			61.900
1	Chi phí vật tư				29.900			25.900
	Phân chuồng	kg	15000	0,5	7.500	15000	0,5	7.500
	Giống	kg	200	50	10.000	200	30	6.000
	NPK 3 : 9 : 6	kg	1.000	5,4	5.400	1000	5,4	5.400
	Ni-lông	kg	100	45	4.500	100	45	4.500
	Vôi	kg	500	3,0	1.500	500	3,0	1.500
	Thuốc BVTV	kg	1	1.000	1.000	1	1.000	1.000
2	Chi phí lao động				36.000			36.000
	Lao động phổ thông	công	200	180	36.000	200	180	36.000
Năng suất thu được (tấn/ha)			2,46			2,05		
II	Phần thu	Tấn	2,46	40.000	98.400	2,05	35.000	71.750
III	Lợi nhuận (II - I)				32.500			9.850
Lãi thuần trong mô hình so với ngoài mô hình			22.650					

(Nguồn: Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung Bộ, 2018).

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

4.1. Kết luận

Kết quả xây dựng mô hình sản xuất lạc giống Nguyên chủng vụ Thu Đông 2018 tại Nghệ An cho thấy: Việc áp dụng đúng quy trình kỹ thuật sản xuất lạc giống vụ Thu Đông, áp dụng đúng quy chuẩn kỹ thuật của Bộ ban hành, kết hợp với quy trình sản xuất lạc đạt năng suất cao, sử dụng giống mới có chất lượng tốt cho năng suất lạc bình quân đạt từ 2,46 - 2,81 tấn/ha, cao hơn so với sản xuất các giống lạc truyền thống và kỹ thuật canh tác của bà con từ 3,5 - 5,0 tạ/ha; chất lượng hạt giống đạt tiêu chuẩn phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01-48:2011/BNNPTNT, hiệu quả kinh tế tăng từ 21,5 - 27,5 triệu đồng/ha.

Kết quả mô hình năm 2018 sản xuất được 95 tấn giống lạc Nguyên chủng, góp phần cung cấp giống tốt, chất lượng cho sản xuất vụ Xuân trên 500 ha trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

4.2. Đề nghị

Tiếp tục mở rộng mô hình sản xuất lạc giống Nguyên chủng vụ Thu Đông ra diện rộng ở các năm tiếp theo để có nguồn giống chất lượng tốt, từng bước đáp ứng nhu cầu sản xuất giống trong vụ Xuân

ở các tỉnh vùng Bắc Trung Bộ. Khuyến khích người dân áp dụng đúng quy trình kỹ thuật sản xuất giống, góp phần nâng cao chất lượng giống sản xuất, nâng cao giá trị sản phẩm, tăng hiệu quả kinh tế và tăng thu nhập cho người sản xuất.

LỜI CẢM ƠN

Nhóm tác giả chân thành cảm ơn Trung tâm Nông nghiệp Quốc tế của Hàn Quốc tại Việt Nam (KOPIA) do Tổng Cục Phát triển Nông thôn Hàn Quốc (RDA) tài trợ để thực hiện và Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam (VAAS) đã hợp tác hỗ trợ trong nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2011. QCVN 01-57:2011/BNNPTNT. Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về khảo nghiệm giá trị canh tác và sử dụng giống lạc.
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2011. QCVN01-48:2011/BNNPTNT. Quy chuẩn Quốc gia về chất lượng hạt giống lạc.
- Phạm Văn Chương và ctv., 2008. Kết quả nghiên cứu mô hình sản xuất lạc xuân đạt 5 tấn/ha trên diện tích 5 ha trở lên. *Thông tin KH&CN*, 4/2008, tr5.

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Nghệ An, 2017. Báo cáo tình hình sản xuất ngành trồng trọt trên địa bàn tỉnh Nghệ An năm 2016 - 2017.

Hoàng Minh Tâm và ctv., 2011. Kết quả nghiên cứu kỹ thuật sản xuất lạc giống trong vụ Thu đông trên đất gò đồi ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. Báo cáo tổng kết nghiên cứu KH&PTCN, Viện KHKT Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung Bộ.

Phạm Chí Thành, 1996. *Hệ thống nông nghiệp*. NXB Nông nghiệp. Hà Nội.

Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung Bộ, 2018. Báo cáo kết quả năm 2018 của dự án: “Phát triển nông thôn mới thông qua thiết lập hệ thống sản xuất và phân phối hạt giống cho cây lạc (*Arachis hypogaea* L.) ở Việt Nam”. Hội thảo đầu bờ đánh giá kết quả thực hiện dự án tại Nghệ An.

Establishment of production model for registered groundnut seeds in Autumn-Winter season of 2018 in Nghe An province

Pham Van Linh, Vo Van Trung, Tran Thi Thanh Hoa, Nguyen Thi Thanh, Tran Thi Duyen, Trinh Duc Toan, Le Van Vinh, Bui Van Hung, Le Ngoc Lan

Abstract

The production model for registered groundnut seeds in Autumn-Winter season of 2018 belonging to the project “Innovative Rural Development through Establishment of Seed production and Distribution Systems for High-Value Crop peanut (*Arachis hypogaea* L.) in Vietnam” carried out by the Agricultural Science Institute of Northern Central Vietnam in Nghe An province showed that the average pod yields of new varieties named L20 and TK10 ranged from 2.46 to 2.81 tons ha⁻¹, higher than that of L14, a popular variety, from 0.35 to 0.50 tons ha⁻¹, profit increased by 21.5 - 27.5 million VND ha⁻¹. The model initially promoted self-seed production at the village level and increased income for farmers.

Keywords: Groundnut, demonstration pilot, registered seeds, Autumn-Winter season

Ngày nhận bài: 17/6/2019

Ngày phản biện: 1/7/2019

Người phản biện: TS. Nguyễn Văn Thắng

Ngày duyệt đăng: 11/7/2019

NGHIÊN CỨU CHỌN TẠO VÀ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT DẦU TÂY CHO VÙNG CAO VIỆT NAM

Nguyễn Thế Nhuận¹, Tưởng Thị Lý¹, Cao Đình Dũng¹, Trương Văn Đức¹, Phạm Trần Thu An¹, Nguyễn Ngọc Huân², Hà Mạnh Phong²

TÓM TẮT

Nghiên cứu đã lai tạo được 50 tổ hợp lai theo định hướng hình dạng, màu sắc quả đẹp, độ brix cao và chọn lọc được 29 dòng chọn. Hai mươi hai dòng chọn được trồng khảo sát và chọn lọc được 9 dòng (PS 1.05, PS 1.06, PS 7.01, PS 7.02, PS 7.03, PS 8.03, PS 8.12, PS 8.13, PS 17.03) có tiềm năng năng suất khá cao, từ 27,7 - 31,2 tấn/ha/năm, độ brix quả đạt 9,3 - 10,3% và khả năng chống chịu sâu bệnh hại chính khá. Tại Đà Lạt, chuyển giao 5 giống PS 7.02, PS 8.03, PS 8.12, PS 8.13 và PS 17.03, năng suất trung bình của các giống đạt 25,23 - 29,19 tấn/ha/năm; tỷ lệ quả loại 1 đạt 58,7 - 69,5%; độ brix quả đạt 10,2 - 10,6%. Chuyển giao 7 giống dầu tây đến Sa Pa, Lào Cai và chọn lọc được 2 giống K09.05 và LX10.05 có khả năng sinh trưởng và phát triển tốt. Mô hình canh tác dầu tây kết hợp kỹ thuật canh tác của Hàn Quốc và Việt Nam cho năng suất tăng khoảng 9%.

Từ khoá: Dầu tây, công nghệ cao, mô hình, chọn tạo, vùng cao

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Dầu tây là ăn quả đặc thù, có tiềm năng phát triển rất lớn cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu trong khu vực, là đặc sản của vùng cao nguyên Việt Nam nói chung và của Đà Lạt, Lâm Đồng nói riêng, nơi có khí hậu cận nhiệt đới ôn hoà, mát mẻ quanh năm

với nhiệt độ trung bình là 18°C. Trong phần thịt của quả dầu tây có chứa các loại vitamin A, B1, B2 và đặc biệt là lượng vitamin C khá cao giúp tăng sức đề kháng, chống nhiễm trùng, nhiễm độc, cảm cúm và chống stress (Bùi Thị Như Thuận và ctv., 1995). Diện tích dầu tây tại Đà Lạt hiện nay vào khoảng

¹ Trung tâm Nghiên cứu Khoai tây, Rau và Hoa; ² Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Cây ôn đới